



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN - ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 19.256.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2024: 19.256.580.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3797971-3797975 Fax: (84) 0236.3797971
- Website: www.sachgiaoduc.com

Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2024 là 23 người, trong đó, cán bộ quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|----------|--|
| • Ông Ông Thừa Phú | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| • Ông Lý Xuân Hoàn | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| • Ông Lê Diễm Hùng | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 23/04/2024 |
| • Ông Trần Công Thanh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 23/04/2024 |
| • Ông Hồ Văn Linh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 23/04/2024 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 20/04/2019
Miễn nhiệm ngày 23/04/2024 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Phạm Văn Hải Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 26/04/2022
Miễn nhiệm ngày 23/04/2024

Ban Kiểm soát

- Ông Đặng Công Đức Trưởng ban Bỏ nhiệm lại ngày 23/04/2024
- Ông Trần Đàm Nhiệm Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 23/04/2024
- Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 23/04/2024
- Bà Đặng Thị Trang Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 20/04/2019
Miễn nhiệm ngày 23/04/2024

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Lý Xuân Hoàn Giám đốc Bỏ nhiệm lại ngày 15/06/2024
- Ông Phạm Văn Hải Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 01/12/2020
- Ông Hồ Văn Linh Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 16/01/2022
- Bà Nguyễn Thị Minh Tâm Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 15/06/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 929/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 07/08/2024 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.228.270.600	36.105.445.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.234.408.478	4.592.078.119
1. Tiền	111	5	2.234.408.478	4.592.078.119
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.334.004.793	6.066.218.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.362.218.743	5.694.064.105
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(28.213.950)	(1.627.845.385)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.800.699.771	6.679.897.379
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.109.899.421	6.866.732.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	65.000.000	81.153.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	517.273.703	508.801.505
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(891.473.353)	(776.790.313)
IV. Hàng tồn kho	140	11	19.781.819.804	17.557.858.328
1. Hàng tồn kho	141		20.270.174.888	18.046.213.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(488.355.084)	(488.355.084)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.077.337.754	1.209.393.321
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.006.334.865	1.054.696.224
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	71.002.889	154.697.097
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.933.479.636	13.111.135.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.050.000	28.050.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		28.050.000	28.050.000
II. Tài sản cố định	220		11.953.857.266	12.271.947.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.625.711.582	3.943.802.034
- Nguyên giá	222		7.598.425.564	7.598.425.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.972.713.982)	(3.654.623.530)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.328.145.684	8.328.145.684
- Nguyên giá	228		8.328.145.684	8.328.145.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	593.390.084	593.390.084
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		593.390.084	593.390.084
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		358.182.286	217.747.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	358.182.286	217.747.486
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59.161.750.236	49.216.581.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.076.915.715	7.546.163.399
I. Nợ ngắn hạn	310		18.067.915.715	7.537.163.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.550.765.864	2.485.326.565
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	40.822.447	127.754.899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	492.082.379	40.251.914
4. Phải trả người lao động	314		2.696.290.372	1.162.807.054
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	2.881.981.091	3.241.068.886
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		405.973.562	479.954.081
II. Nợ dài hạn	330		9.000.000	9.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	9.000.000	9.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.084.834.521	41.670.417.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	41.084.834.521	41.670.417.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	19.256.580.000	19.256.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.256.580.000	19.256.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	3.220.980.456	3.113.155.058
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	15.747.547.866	16.440.956.499
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	14.130.166.899	14.049.498.368
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	1.617.380.967	2.391.458.131
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		59.161.750.236	49.216.581.155



Lý Xuân Hoàn
Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	31.097.068.742	29.037.771.135
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	518.211.561	427.093.792
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		30.578.857.181	28.610.677.343
4. Giá vốn hàng bán	11	23	21.996.117.983	20.447.925.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.582.739.198	8.162.752.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	121.786.342	157.211.934
7. Chi phí tài chính	22	25	(1.597.905.785)	(637.178.375)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	3.348.035.251	2.848.424.235
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	4.163.991.417	3.354.078.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.790.404.657	2.754.639.963
11. Thu nhập khác	31		15.440.741	-
12. Chi phí khác	32	27	30.446.843	-
13. Lợi nhuận khác	40		(15.006.102)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.775.398.555	2.754.639.963
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	618.890.598	565.499.879
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.156.507.957	2.189.140.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	896	909
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	896	909



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	20.263.749.336	22.140.035.868
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(18.642.454.287)	(19.008.406.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.768.384.444)	(2.587.928.250)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 17	(52.238.661)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	537.940.228	405.390.824
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.490.505.867)	(2.628.989.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.151.893.695)	(1.679.897.588)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 24	105.013.654	157.211.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.105.013.654	2.157.211.934
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 19	(2.310.789.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.310.789.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.357.669.641)	477.314.346
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	4.592.078.119	5.471.841.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	2.234.408.478	5.949.155.962



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Vốn điều lệ: 19.256.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2024 của Công ty là 19.256.580.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách

1.2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1, 5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Mặt hàng sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa áp dụng thuế suất 5%;
 - Các loại lịch block áp dụng thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, Công ty được áp dụng thuế suất 8% theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	39.723.331	2.082.175
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.194.685.147	4.589.995.944
Cộng	2.234.408.478	4.592.078.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	536.753	5.362.218.743	5.563.419.450	28.213.950	564.753	5.694.064.105	4.066.218.720	1.627.845.385
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS)	506.753	5.167.504.793	5.396.919.450	-	564.753	5.694.064.105	4.066.218.720	1.627.845.385
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land (KHG)	30.000	194.713.950	166.500.000	28.213.950	-	-	-	-
Cộng	536.753	5.362.218.743	5.563.419.450	28.213.950	564.753	5.694.064.105	4.066.218.720	1.627.845.385

- (i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	30/06/2024			01/01/2024				
		Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,01%	94	1.086.084	-	2.359.400	1.086.084	-	2.303.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Cộng				593.390.084	-		593.390.084	-	

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của các Công ty nhận đầu tư này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	1.658.337.050	601.327.290
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	465.770.980	380.627.690
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Nam Cường	1.822.674.900	52.931.840
Công ty CP Sách và Phát triển Giáo dục Nghệ An	1.853.148.970	-
Công ty TNHH Song Ty	1.620.925.020	-
Công ty TNHH Sách - Dịch vụ văn hóa Trinh Dậu	2.159.780.110	456.000
Các đối tượng khác	8.529.262.391	5.831.389.727
Cộng	18.109.899.421	6.866.732.547

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	50.085.220	-
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	207.599.120	684.000
Cộng		257.684.340	684.000

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	20.000.000	20.000.000
Bà Huỳnh Lê Thủy Tiên	40.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Vinatech Việt Nam	-	52.153.640
Các đối tượng khác	5.000.000	9.000.000
Cộng	65.000.000	81.153.640

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	266.900.000	-	90.690.000	-
Phải thu CBCNV thuế TNCN	197.345.144	-	279.491.505	-
Phải thu khác	53.028.559	-	138.620.000	-
Cộng	517.273.703	-	508.801.505	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số dự phòng phải thu đầu kỳ	776.790.313	656.979.870
Dự phòng trích lập trong kỳ	114.683.040	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dự phòng phải thu cuối kỳ	891.473.353	656.979.870

11. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.174.894.970	-	6.565.629.280	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.195.649.717	-	703.485.237	-
Thành phẩm	13.899.630.201	488.355.084	10.777.098.895	488.355.084
Cộng	20.270.174.888	488.355.084	18.046.213.412	488.355.084

- Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2024.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	14.272.728
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	933.198.301	933.198.301
Chi phí khác	73.136.564	107.225.195
Cộng	1.006.334.865	1.054.696.224

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí tổ chức bàn thảo	358.182.286	217.747.486
Cộng	358.182.286	217.747.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	5.132.954.910	38.850.000	2.269.029.745	157.590.909	7.598.425.564
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.132.954.910	38.850.000	2.269.029.745	157.590.909	7.598.425.564
Khấu hao					
Số đầu kỳ	2.523.842.822	38.850.000	934.339.799	157.590.909	3.654.623.530
Khấu hao trong kỳ	83.511.410	-	234.579.042	-	318.090.452
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.607.354.232	38.850.000	1.168.918.841	157.590.909	3.972.713.982
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.609.112.088	-	1.334.689.946	-	3.943.802.034
Số cuối kỳ	2.525.600.678	-	1.100.110.904	-	3.625.711.582

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 565.994.290 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài, cụ thể:

- Tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 1.500.400.000 đồng.
- Tại 39 Trịnh Đình Thảo, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 6.827.745.684 đồng.

Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình này.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	793.711.435	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.309.343.040	-
Công ty TNHH Lộc Thịnh Phát	32.841.785	371.911.968
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	295.480.000	295.480.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.436.277.028	68.021.928
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	716.828.400	-
Công ty CP In-PHS & TBTH Quảng Nam	852.375.722	-
Các đối tượng khác	5.113.908.454	1.749.912.669
Cộng	11.550.765.864	2.485.326.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	716.828.400	-
Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam	Công ty nhận đầu tư	852.375.722	-
Cộng		1.569.204.122	-

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	-	90.212.940
Công ty TNHH sách - Văn hóa Thời đại	21.094.720	-
Nhà sách Quảng Văn Hải	-	8.085.000
Các đối tượng khác	19.727.727	29.456.959
Cộng	40.822.447	127.754.899

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	20.066.172	13.105.737	25.279.244	-	7.892.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	141.808.989	-	618.890.598	52.238.661	-	424.842.948
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	-	1.922.304	107.652.071	50.227.609	-	59.346.766
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.263.438	(6.956.154)	73.718.101	62.410.817	-
Các loại thuế khác	12.888.108	-	4.296.036	-	8.592.072	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	154.697.097	40.251.914	739.988.288	204.463.615	71.002.889	492.082.379

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	33.506.491	11.560.905
Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	487.457.911	30.000.000
Chi phí tổ chức bán thảo	2.295.070.760	3.118.910.000
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Phải trả khác	65.936.674	80.588.726
Cộng	2.881.981.091	3.241.068.886

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
Cộng	9.000.000	9.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	14.986.800.000	2.859.726.199	2.953.724.516	18.319.278.368
Tăng trong năm	4.269.780.000	-	159.430.542	3.188.610.841
Giảm trong năm	-	-	-	5.066.932.710
Số dư tại 31/12/2023	19.256.580.000	2.859.726.199	3.113.155.058	16.440.956.499
Số dư tại 01/01/2024	19.256.580.000	2.859.726.199	3.113.155.058	16.440.956.499
Tăng trong kỳ	-	-	107.825.398	2.156.507.957
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.849.916.590
Số dư tại 30/06/2024	19.256.580.000	2.859.726.199	3.220.980.456	15.747.547.866

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	5.663.770.000	5.663.770.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.075.000.000	3.075.000.000
Các cổ đông khác	10.517.810.000	10.517.810.000
Cộng	19.256.580.000	19.256.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.925.658	1.925.658
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.925.658
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.440.956.499	18.319.278.368
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.156.507.957	3.188.610.841
Phân phối lợi nhuận	2.849.916.590	5.066.932.710
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.310.789.600	4.269.780.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	2.310.789.600	4.269.780.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	539.126.990	797.152.710
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	107.825.398	159.430.542
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	150.955.557	223.202.759
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	280.346.035	414.519.409
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	15.747.547.866	16.440.956.499

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-DAEBCO ngày 23/04/2024.

e. Cổ tức

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-DAEBCO ngày 23/04/2024 của Công ty, cổ tức năm 2023 được trả bằng tiền với tỷ lệ 12% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức ngày 22/05/2024; Thời gian thanh toán 07/06/2024.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/06/2024	01/01/2024
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu sách tham khảo, sách hỗ trợ	30.415.334.415	28.217.530.891
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	654.461.600	814.497.030
Doanh thu khác	27.272.727	5.743.214
Cộng	31.097.068.742	29.037.771.135

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chiết khấu thương mại	465.659.481	335.722.832
Hàng bán bị trả lại	52.552.080	91.370.960
Cộng	518.211.561	427.093.792

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn sách tham khảo, sách hỗ trợ	20.860.557.205	19.071.742.684
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	592.294.474	729.644.817
Giá vốn hoạt động khác	-	5.694.341
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	543.266.304	640.843.308
Cộng	21.996.117.983	20.447.925.150

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.013.654	116.711.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.000.000	40.500.000
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	16.772.688	-
Cộng	121.786.342	157.211.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	90.168.226
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(1.599.631.435)	(728.109.028)
Chi phí tài chính khác	1.725.650	762.427
Cộng	(1.597.905.785)	(637.178.375)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.513.320.887	2.038.763.442
Chi phí khấu hao	111.625.404	111.625.404
Chi phí vận chuyển sách và bốc vác	446.284.664	312.323.962
Chi phí thuê kho	168.300.000	283.272.729
Tuyên truyền, quảng cáo	108.504.296	102.438.698
Cộng	3.348.035.251	2.848.424.235

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	2.139.600.777	1.755.536.036
Khấu hao TSCĐ	206.465.048	65.654.430
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	135.585.348	49.277.274
Giao dịch, hội nghị	626.706.332	503.549.675
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	114.683.040	-
Chi phí khác	940.950.872	980.060.889
Cộng	4.163.991.417	3.354.078.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	30.446.843	-
Cộng	30.446.843	-

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.775.398.555	2.754.639.963
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	57.861.127	16.640.734
- Điều chỉnh tăng	115.861.127	57.140.734
+ <i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	63.000.000	57.000.000
+ <i>Chi phí không được trừ khác</i>	52.861.127	140.734
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	58.000.000	40.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.833.259.682	2.771.280.697
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	618.890.598	565.499.879
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này</i>	566.651.937	554.256.139
- <i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này</i>	52.238.661	11.243.740

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.156.507.957	2.189.140.084
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(431.301.591)	(437.828.017)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành) (*)	431.301.591	437.828.017
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.725.206.366	1.751.312.067
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.925.658	1.925.658
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	896	909

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2024 là 20% lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.960.873.730	3.851.662.415
Chi phí nhân công	4.652.921.664	3.794.299.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	318.090.452	177.279.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.859.699.593	8.337.359.787
Chi phí khác bằng tiền	1.049.455.168	1.082.499.587
Cộng	19.841.040.607	17.243.101.101

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay phát sinh nhỏ và được trả trong thời gian ngắn; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và thiết bị các Tỉnh. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.550.765.864	-	11.550.765.864
Phải trả khác	2.848.474.600	9.000.000	2.857.474.600
Cộng	14.399.240.464	9.000.000	14.408.240.464
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.485.326.565	-	2.485.326.565
Phải trả khác	3.229.507.981	9.000.000	3.238.507.981
Cộng	5.714.834.546	9.000.000	5.723.834.546

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.234.408.478	-	2.234.408.478
Đầu tư tài chính	5.334.004.793	593.390.084	5.927.394.877
Phải thu khách hàng	17.218.426.068	-	17.218.426.068
Phải thu khác	250.373.703	28.050.000	278.423.703
Cộng	25.037.213.042	621.440.084	25.658.653.126
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.592.078.119	-	4.592.078.119
Đầu tư tài chính	6.066.218.720	593.390.084	6.659.608.804
Phải thu khách hàng	6.089.942.234	-	6.089.942.234
Phải thu khác	418.111.505	28.050.000	446.161.505
Cộng	17.166.350.578	621.440.084	17.787.790.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam	Công ty nhận đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB, thuê kho	1.149.841.111	1.614.700.200
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	240.192.417	456.734.520
Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam	In gia công	3.547.930.359	3.599.362.324
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua sách tham khảo	25.371.428	31.799.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Bán hàng			
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	293.184.780	2.149.959.536
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	373.315.200	239.995.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Chức danh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Thù lao hội đồng quản trị			
Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	5.000.000
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	10.000.000	24.000.000
Ông Lý Xuân Hoàn	Ủy viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Phan Văn Hải	Ủy viên HĐQT	12.000.000	18.000.000
Ông Hồ Văn Linh	Ủy viên HĐQT	6.000.000	-
Ông Lê Diễm Hùng	Ủy viên HĐQT	15.000.000	5.000.000
Ông Trần Công Thanh	Ủy viên HĐQT	5.000.000	-
Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình	Thư ký HĐQT	8.000.000	10.500.000
Ông Trần Trọng Hiếu	Thư ký HĐQT (Miễn nhiệm 4/5/2024)	4.000.000	-
Thù lao Ban kiểm soát			
Ông Đặng Công Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000	9.000.000
Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên BKS	4.000.000	6.000.000
Ông Trần Đàm Nhiệm	Ủy viên BKS	6.000.000	2.000.000
Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình	Ủy viên BKS	2.000.000	-
Tiền lương đã chi Ban giám đốc			
Ông Lý Xuân Hoàn	Giám đốc	293.228.000	275.124.400
Ông Phan Văn Hải	Phó Giám đốc	214.185.500	201.418.600
Ông Hồ Văn Linh	Phó Giám đốc	219.705.500	198.965.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Thành viên

 PrimeGlobal